

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 000339

Trang : 1/2

Môn học: **Lý thuyết vận hành sửa chữa hệ thống lạnh (228279) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK3 2021-2022**

Tổ: **001**

Ngày thi: **26/08/2022**

Giờ: **09:45**

Phòng thi: **D6-33**

Số SV có mặt: 38
Số bài thi: 38
Số tờ giấy thi: 38

Cán bộ coi thi 1 <i>Minh Ngọt</i> Lê T. T. Kha	Cán bộ coi thi 2 <i>Minh Ngọt</i> Nguyễn Văn Đạt	G.Viên chấm thi 1 <i>Minh Ngọt</i> Ung Đình Nhường	G.Viên chấm thi 2 <i>Minh Ngọt</i> Đỗ Quang Huy
--	--	--	---

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Mã đ	HP	Chữ ký	D. QT 40%	D. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120180001	NGUYỄN THÀNH AN	02/01/2002	CCQ2018A	132		<i>An</i>	7,0	6,3	6,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2	2120180035	HUỖNH HOÀNG ANH	03/11/2002	CCQ2018B	209		<i>Anh</i>	7,0	5,3	6,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
3	2120170073	NGUYỄN NGỌC BẢO	27/07/2002	CCQ2018C	357		<i>Bao</i>	7,3	5,5	6,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
4	2120180002	HỨA THANH BÌNH	19/03/2002	CCQ2018A	485		<i>Binh</i>	6,3	5,5	5,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
5	2120180078	NGÔ ĐỨC CƯỜNG	23/09/1998	CCQ2018C	132		<i>Cuong</i>	6,7	5,7	6,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
6	2120180005	HỒ TRỌNG DANH	07/10/2002	CCQ2018A	209		<i>Danh</i>	6,7	5,3	5,9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
7	2120180006	BÙI NGỌC DUY	28/02/2002	CCQ2018A	357		<i>Duy</i>	8,7	6,2	7,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
8	2120180038	ĐINH NHẬT TRƯỜNG	15/05/2002	CCQ2018B	485		<i>Truong</i>	7,7	7,0	7,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
9	2120180008	NGUYỄN HỮU ĐẠT	12/10/2002	CCQ2018A	132		<i>Dat</i>	7,0	6,2	6,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
10	2120180009	PHẠM THÀNH ĐẠT	12/08/2002	CCQ2018A	209		<i>Dat</i>	6,0	5,5	5,7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
11	2120180041	TRẦN TÍN ĐẠT	12/04/2002	CCQ2018B	357		<i>Dat</i>	6,7	4,3	5,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
12	2120180010	CAO HẢI ĐĂNG	12/06/2002	CCQ2018A	485		<i>Denh</i>	7,3	6,2	6,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
13	2120180011	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	02/09/2002	CCQ2018A	132		<i>Giang</i>	5,0	6,2	5,7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
14	2120180042	NGUYỄN TRƯỜNG HẢI	17/02/2002	CCQ2018B	209		<i>Hai</i>	6,7	5,7	6,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
15	2120180012	NGUYỄN VĂN HẬU	23/08/2001	CCQ2018A	357		<i>Hau</i>	6,3	5,2	5,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
16	2120180014	BÙI TRÍ HIỆP	19/10/2000	CCQ2018A	485		<i>Hiep</i>	7,7	5,0	6,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
17	2120180013	NGUYỄN VĂN HIẾU	03/03/1997	CCQ2018A	132		<i>Hieu</i>	6,3	4,8	5,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
18	2120180052	LÊ PHI LUÂN	08/07/2002	CCQ2018B	209		<i>Luân</i>	6,7	5,8	6,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
19	2120180053	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	11/09/2002	CCQ2018B	357		<i>Manh</i>	5,7	5,8	5,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
20	2120180017	HÀ HOÀI NAM	16/04/2002	CCQ2018A	485		<i>Nam</i>	6,7	5,8	6,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 23/08/2022

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 000339

Trang : 2/2

Môn học: **Lý thuyết vận hành sửa chữa hệ thống lạnh (228279) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK3 2021-2022**

Tổ: **001**

Ngày thi: **26/08/2022**

Giờ: **09:45**

Phòng thi: **D6-33**

Số SV có mặt: **38**

Số bài thi: **38**

Số tờ giấy thi: **38**

Cán bộ coi thi 1 <i>Minh</i> Lê.T.T. Hà	Cán bộ coi thi 2 <i>Như</i> Nguyễn Ngọc Linh	G.Viên chấm thi 1 <i>Minh</i> Vũ Đình Minh	G.Viên chấm thi 2 <i>Thuy</i> Đỗ Quang Thuy
---	--	--	---

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2120180092	LÊ HỒ QUANG	04/03/2002	CCQ2018C		132	<i>Quang</i>	4,7	4,7	4,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2120180093	NGUYỄN TRẦN TRỌNG	13/08/2002	CCQ2018C		209	<i>Trọng</i>	6,3	5,3	5,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2120180019	TẠ TRUNG	06/04/2002	CCQ2018A		357	<i>nguyên</i>	6,7	5,2	5,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2120180020	NGUYỄN KHẮC	28/09/2002	CCQ2018A		485	<i>nhân</i>	7,0	6,0	6,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2120180021	NGUYỄN XUÂN	01/06/2002	CCQ2018A		132	<i>Minh</i>	7,0	6,2	6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2120180022	HỒ TRUNG	20/08/2002	CCQ2018A		209	<i>Nhân</i>	7,3	4,7	5,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2120180024	VÕ ĐÌNH	08/06/2002	CCQ2018A		357	<i>Đình</i>	7,7	5,0	6,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2119180023	NGUYỄN TẤN	31/01/2000	CCQ1918A		485	<i>Tấn</i>	7,0	4,2	5,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2121180037	ĐẶNG THANH	06/02/2003	CCQ2118B		132	<i>Sơn</i>	7,0	5,0	5,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2120180026	NGUYỄN VĂN	24/12/2001	CCQ2018A		209	<i>Văn</i>	7,7	5,3	6,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	2120180027	NGUYỄN TRƯỜNG	09/11/2002	CCQ2018A		357	<i>Trường</i>	6,7	6,8	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	2120180028	LÊ MINH	07/02/2002	CCQ2018A		485	<i>Minh</i>	7,0	5,5	6,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	2120180029	HỒ TRUNG	27/08/2000	CCQ2018A		132	<i>Trung</i>	6,3	5,7	5,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	2120180031	LÊ ĐAN	20/01/2000	CCQ2018A		209	<i>Đan</i>	6,7	4,0	5,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	2120180032	PHẠM QUỐC	28/01/2002	CCQ2018A		357	<i>Quốc</i>	7,0	5,3	6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	2120180033	LÊ ĐIỀN	04/03/2002	CCQ2018A		485	<i>Điền</i>	6,3	5,0	5,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	2120180034	PHAN MINH	12/11/2001	CCQ2018A		132	<i>Minh</i>	5,3	5,3	5,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	2120180069	TRẦN TRỊNH ĐỨC	02/10/2000	CCQ2018B		209	<i>Đức</i>	7,3	3,8	5,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9